

Số: /QĐ-HVCLBD

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của  
Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng

**GIÁM ĐỐC**

**HỌC VIỆN CHIẾN LƯỢC, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-BXD ngày 01/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định: số 2439/QĐ-BXD ngày 29/12/2025 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề; số 2436/QĐ-XD ngày 29/12/2025 về việc giao dự toán chi thường xuyên năm 2026; số 2447/QĐ-BXD ngày 29/12/2025 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 nguồn chi các hoạt động kinh tế; số 2475/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 về việc giao dự toán chi thường xuyên (chi sự nghiệp bảo vệ môi trường); số 543/QĐ-BXD ngày 23/4/2026 điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 nguồn chi các hoạt động kinh tế; số 1027/QĐ-BXD ngày 26/6/2026 giao, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2026; số 1051/QĐ-BXD ngày 27/6/2026 về việc xác định tiết kiệm theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ; điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026, nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề; số 1071/QĐ-BXD ngày 29/6/2026 về việc điều chỉnh và giao dự toán chi NSNN năm 2026 nguồn chi các hoạt động kinh tế; số 1072/QĐ-BXD ngày 29/6/2026 về tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2026 nguồn chi các hoạt động kinh tế khác; số 1079/QĐ-BXD ngày 29/6/2026 về xác định tiết kiệm nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Kế toán trưởng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng (chi tiết theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan thuộc Học viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Website HV;
- TT TT & CDS (để công khai);
- Lưu: VT, KHTC

**Ngô Anh Tuấn**

Đơn vị: Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng  
Chương: 019

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ – HVCLBD ngày /7/2026  
của Học viện Chiến-lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng)

Đơn vị: nghìn đồng

| TT  | Nội dung                                                                                      | Dự toán được giao |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1   | 2                                                                                             | 3                 |
| A   | Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí                                                    |                   |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                | 54.796.500        |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                                                                    | 54.796.500        |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                                                        |                   |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                              |                   |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                        |                   |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                          | 4.492.000         |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                | 4.268.000         |
| -   | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ       |                   |
| -   | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 4.268.000         |
| 2.2 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |                   |
| 2.3 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       | 224.000           |
| -   | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                 | 224.000           |
| -   | Nhiệm vụ chuyển đổi số                                                                        |                   |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                                                               | 44.344.000        |
| 3.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             | 29.755.000        |
| 3.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ <sup>1</sup>                                          | 14.589.000        |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                        |                   |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                                                                            |                   |
| 6   | Chi hoạt động kinh tế                                                                         | 3.685.000         |
| 6.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |                   |
| 6.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ <sup>2</sup>                                          | 3.685.000         |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                                               | 2.275.500         |
| 7.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |                   |

<sup>1</sup> (1) Nhiệm vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức ở trong nước, kinh phí giao:2.190.000.000 đồng, kinh phí tiết kiệm theo NQ135 319.521.000 đồng; (2) Xây dựng bộ Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn và danh mục sản phẩm/công việc quy đổi áp dụng chung cho cơ quan hành chính trực thuộc Bộ Xây dựng, phục vụ đánh giá công chức theo Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ, kinh phí giao:524.900.000 đồng, , kinh phí tiết kiệm theo NQ135 76.583.000 đồng.

2 (1) Kinh phí tiết kiệm theo NQ135 kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2035, định hướng đến năm 2050” 286.000.000 đồng; (2) Kinh phí giao nhiệm vụ tạp chí in, tạp chí xây dựng và đô thị 400.000.000 đồng.

| <b>TT</b>  | <b>Nội dung</b>                                         | <b>Dự toán được giao</b> |
|------------|---------------------------------------------------------|--------------------------|
| <i>1</i>   | <i>2</i>                                                | <i>3</i>                 |
| 7.2        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ <sup>3</sup>    | 2.275.500                |
| 8          | <i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>                  |                          |
| 9          | <i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</i> |                          |
| 10         | <i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>                   |                          |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                          |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |                          |

---

3 (1) Nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng về kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực giao thông vận tải và xây dựng kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn của Bộ Xây dựng”, kinh phí giao bổ sung 95.000.000 đồng, kinh phí tiết kiệm theo NQ135 95.000.000 đồng; (2) Nhiệm vụ “Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải và điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh ngành Xây dựng giai đoạn 2026-2030”, kinh phí giao bổ sung 70.000.000 đồng, kinh phí tiết kiệm theo NQ135 70.000.000 đồng;